

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Tên ngành: Chăm sóc sắc đẹp..... Mã ngành: 5310404

HỌC KỲ 1 (17 Tín chỉ)

Giáo dục thể chất MH2109105-1(0,1)	Tin học MH2101260-2(1,1)
Kiểm soát nhiễm khuẩn MH2062622-2(2,0)	Vẽ mỹ thuật MH2062620 -3(1,2)
Tổng quan về ngành chăm sóc sắc đẹp MH2062621 -3(3,0)	Chăm sóc móng cơ bản MH2062629-3(1,2)
Kỹ thuật chăm sóc da cơ bản MH2062625-3(1,2)	

HỌC KỲ 2 (15 Tín chỉ)

Giáo dục chính trị MH2108019-2(2,0)	Pháp Luật MH2108103-1(1,0)
Giáo dục Quốc phòng và an ninh MH2109020-2(1,1)	Đắp móng – Vẽ tạo hình móng MH2062630-4(2,2)
Tiếng Anh MH2072600-3(1,2)	Kỹ thuật trang điểm cơ bản MH2062631-3(1,2)

HỌC KỲ 3 (15 Tín chỉ)

Kỹ thuật chăm sóc da răng cao MH2062626-4(1,3)	Chăm sóc-Tạo mẫu tóc cơ bản MH2062627-3(1,2)
Kỹ thuật massage MH2062628-4(2,2)	Anh văn chuyên ngành MH2062624-2(2,0)
Kỹ năng tư vấn khách hàng MH2062623-2(2,0)	

HỌC KỲ 4 (11 Tín chỉ)

Thực tập tốt nghiệp MH2062633-6(0,6)	Các môn học, mô đun tự chọn (5 chỉ)
Khóa luận TN MH2062634-5(0,5)	Kỹ thuật trang điểm nâng cao MH2062632-2(0,2)
	Nhuộm -Tạo kiểu tóc MH2062636-3(1,2)

THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KINH TẾ - KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO & NCKH

P. TRƯỞNG KHOA

Phan Văn Thanh Cầm

Lê Thị Hiền

Nguyễn Thị Lê Thị